GENERALI

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2024

QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ

GENERALI BẢO HIỂM NHÂN THỌ

1831 THÀNH LẬP

THÔNG ĐIỆP TỔNG GIÁM ĐỐC

Kính thưa Quý khách,

Chân thành cảm ơn Quý khách đã tin tưởng và đồng hành cùng Generali Việt Nam. Chúng tôi vui mừng chia sẻ cùng Quý khách kết quả kinh doanh của Tập đoàn Generali trong năm 2024, với doanh thu phí gộp đạt 95,2 tỷ Euro. Dòng tiền thuần từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm nhân thọ đạt 9,7 tỷ Euro, kết quả hoạt động kinh doanh đạt 7,3 tỷ Euro và biên khả năng thanh toán đạt 210% tại thời điểm 31/12/2024.

Generali Việt Nam tự hào tiếp tục đóng góp vào những thành tựu này của Tập đoàn với một năm hoạt động thành công trên nhiều phương diện với doanh thu phí đạt 4.369 tỷ đồng. Biên khả năng thanh toán đạt 242% tại thời điểm 31/12/2024, đảm bảo tốt khả năng chi trả cho khách hàng. Bên cạnh đó, tổng chi trả quyền lợi cho khách hàng trong năm 2024 đạt 1.287 tỷ đồng, tăng 2,3% so với năm 2023.

Năm 2024 cũng đánh dấu những thành tựu ý nghĩa với Generali Việt Nam như tăng vốn điều lệ thêm 1.000 tỷ đồng, nâng vốn điều lệ hiện tại từ 7.202,6 tỷ đồng lên 8.202,6 tỷ đồng, khẳng định tiềm lực tài chính mạnh mẽ và sự hậu thuẫn của Tập đoàn Generali đối với thị trường Việt Nam. Generali Việt Nam cũng liên tục tăng cường hiện diện, mở rộng mạng lưới với hơn 100 văn phòng, Trung tâm dịch vụ Khách hàng khắp mọi miền đất nước.

Trong giai đoạn 2023-2024, thị trường bảo hiểm gặp nhiều khó khăn và biến động. Tuy nhiên, các doanh nghiệp bảo hiểm nói chung và Generali Việt Nam nói riêng vẫn nỗ lực duy trì năng lực tài chính và đạt được các kết quả theo hướng phát triển chất lượng hơn, minh bạch hơn và bền vững hơn.

Các văn bản hướng dẫn như Luật Kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15, Nghị định số 46/2023/NĐ-CP và Thông tư số 67/2023/TT-BTC đã, đang và sẽ tạo hành lang pháp lý hoàn chỉnh, đầy đủ để thị trường bảo hiểm Việt Nam phát triển an toàn, ổn định cả về quy mô lẫn chất lượng trong năm 2025 và các năm tiếp theo. Đây sẽ là nền tảng để Generali Việt Nam điều hướng hoạt động kinh doanh nhằm đảm bảo lợi ích tốt nhất cho khách hàng bằng việc nâng cao chất lượng của tất cả các kênh phân phối. Điều này cũng hoàn toàn phù hợp với định hướng phát triển bền vững của Tập đoàn Generali, đảm bảo tuân thủ đầy đủ quy định mới.

Chúng tôi rất vui mừng khi các sản phẩm bảo hiểm liên kết đơn vị chủ lực của Generali Việt Nam là VITA – Cho Con và VITA – Đầu Tư Như Ý tiếp tục được đông đảo Quý khách tin tưởng lựa chọn. Cùng với nền tảng vững chắc gần 200 năm phát triển của Tập đoàn Generali, Generali Việt Nam sẽ tiếp tục nâng cao chất lượng sản phẩm và chất lượng dịch vụ khách hàng, mở rộng quy mô vận hành, đổi mới công nghệ và phát triển sản phẩm đột phá nhằm đáp ứng nhu cầu bảo vệ ngày càng gia tăng của Quý khách trong thời gian tới. Chúng tôi xác định theo đuổi chiến lược tăng trưởng bền vững và thực hiện sứ mệnh trở thành "Người bạn Trọn đời: Tiên Phong Vượt Trội" của Quý khách.

Năm 2024, với cơ chế đầu tư độc đáo và sự quản lý của hai Công ty quản lý Quỹ chuyên nghiệp hàng đầu Việt Nam là Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ VinaCapital (VinaCapital) và Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam (Dragon Capital), các Quỹ liên kết đơn vị của Generali Việt Nam đều đã thành công trong việc giảm thiểu tối đa rủi ro do biến động của thị trường trong giai đoạn khó khăn. Tỷ suất đầu tư của Quỹ Tăng Trưởng Chiến Lược đạt 20,32% và Quỹ Tăng Trưởng Năng Động đạt 21,37% trong năm 2024. Trong cùng giai đoạn, các Quỹ Tích Lũy Chiến Lược và Quỹ Tích Lũy Năng Động cũng đạt kết quả khả quan với tỷ suất đầu tư lần lượt là 7,87% và 7,13%. Những kết quả khả quan này được trình bày chi tiết trong Báo cáo Thường niên về Kết quả hoạt động các Quỹ liên kết đơn vị năm 2024 đính kèm.

Từ ngày 01/01/2025, Generali Việt Nam đã chính thức thay đổi Công ty quản lý Quỹ của Quỹ Tích Lũy Năng Động từ Dragon Capital sang VinaCapital. Việc chuyển đổi này không làm ảnh hưởng đến quyền lợi bảo hiểm và Giá trị Tài khoản hợp đồng hiện tại của Quý khách. Trong tương lai, giá đơn vị quỹ của Quỹ Tích Lũy Năng Động sẽ phụ thuộc vào kết quả đầu tư thực tế.

Generali Việt Nam trân trọng cảm ơn sự tin tưởng của Quý khách và cam kết sẽ không ngừng nỗ lực để xứng đáng với niềm tin của Quý khách.

Kính chúc Quý khách cùng gia đình sức khỏe và thịnh vượng.

Nguyễn Phương Anh
Tổng Giám đốc Generali Việt Nam

TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH NĂM 2024

KINH TẾ VĨ MÔ

Tăng trưởng Tổng sản phẩm trong nước (GDP) của Việt Nam năm 2024 đạt 7,1%, vượt mục tiêu của Quốc hội đặt ra là 6,0% - 6,5%, và là một trong những nền kinh tế phát triển nhanh nhất châu Á. Theo Tổng cục Thống kê Việt Nam (GSO), GDP tăng 7,6% trong quý 4 và 7,1% cho cả năm 2024. Đây là mức tăng trưởng cao thứ hai sau đại dịch. Nguyên nhân tăng trưởng mạnh mẽ của Việt Nam trong năm 2024 là do: (1) Tăng trưởng cao từ mức nền thấp vào năm 2023 (GDP 2023: 5,0%); (2) Kim ngạch xuất khẩu tăng 14,0% so với cùng kỳ năm trước; (3) Lượng khách quốc tế tăng gần 40,0%, hỗ trợ mạnh mẽ cho sự phục hồi tiêu dùng trong nước; (4) Giải ngân vốn Đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) đạt mức kỷ lục (tăng 9,4% so với cùng kỳ năm trước) và (5) Môi trường lãi suất thấp và Luật Đất đai được sửa đổi, thúc đẩy sự phục hồi của ngành bất động sản và đầu tư tư nhân.

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) trung bình năm 2024 tăng 3,63% so với cùng kỳ – thấp hơn so với mục tiêu của Quốc hội là 4,0% - 4,5%. Theo GSO, các nhóm hàng có giá tăng mạnh nhất bao gồm: (1) Giá thực phẩm, lương thực và dịch vụ ăn uống tăng 4,0% so với cùng kỳ năm trước, trong đó, giá thực phẩm tăng 12,2%; (2) Giá nhà ở và vật liệu xây dựng tăng 5,2%; (3) Giá thuốc và dịch vụ y tế tăng 7,2% và giá điện tăng 7,7%, sau quyết định điều chỉnh giá của Chính phủ và (4) Chi phí giáo dục tăng 5,4%.

Tăng trưởng GDP của Việt Nam trong giai đoạn từ 2014 đến 2024

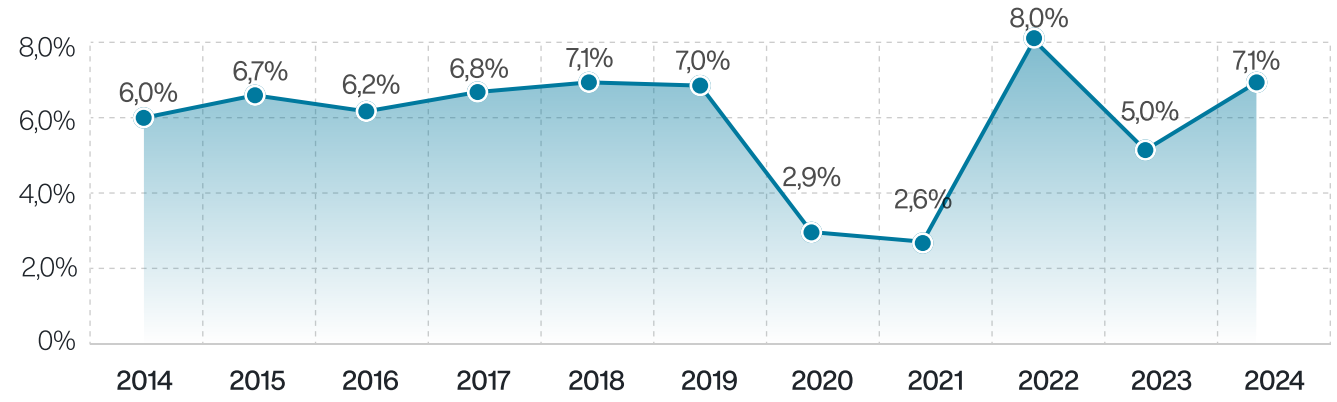

Lạm phát của Việt Nam trong giai đoạn từ 2014 đến 2024

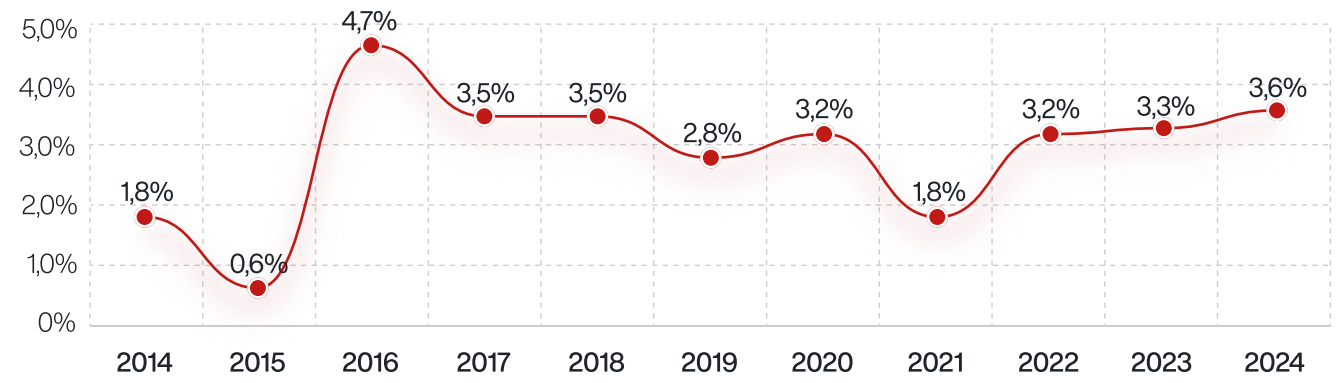

Nguồn: Tổng cục Thống kê Việt Nam

Sản xuất và hoạt động xuất nhập khẩu đạt mức tăng trưởng mạnh. Trong năm 2024, chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) tăng 8,3% (năm 2023 chỉ tăng 1,5%). Tổng kim ngạch xuất khẩu và nhập khẩu trong năm 2024 lần lượt là 405,5 tỷ USD (tăng 14,3%) và 380,8 tỷ USD (tăng 16,7%), dẫn đến thặng dư thương mại 24,8 tỷ USD (năm 2023: 28,4 tỷ USD).

Trong đó Mỹ và Trung Quốc là hai thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam, chiếm lần lượt 29,5% và 14,9% tổng kim ngạch xuất khẩu. EU đứng thứ ba chiếm 12,8%. Về nhập khẩu, Trung Quốc là thị trường nhập khẩu lớn nhất, tiếp theo đó là Hàn Quốc đứng thứ hai.

Tình hình Xuất nhập khẩu năm 2024 (tỷ USD)

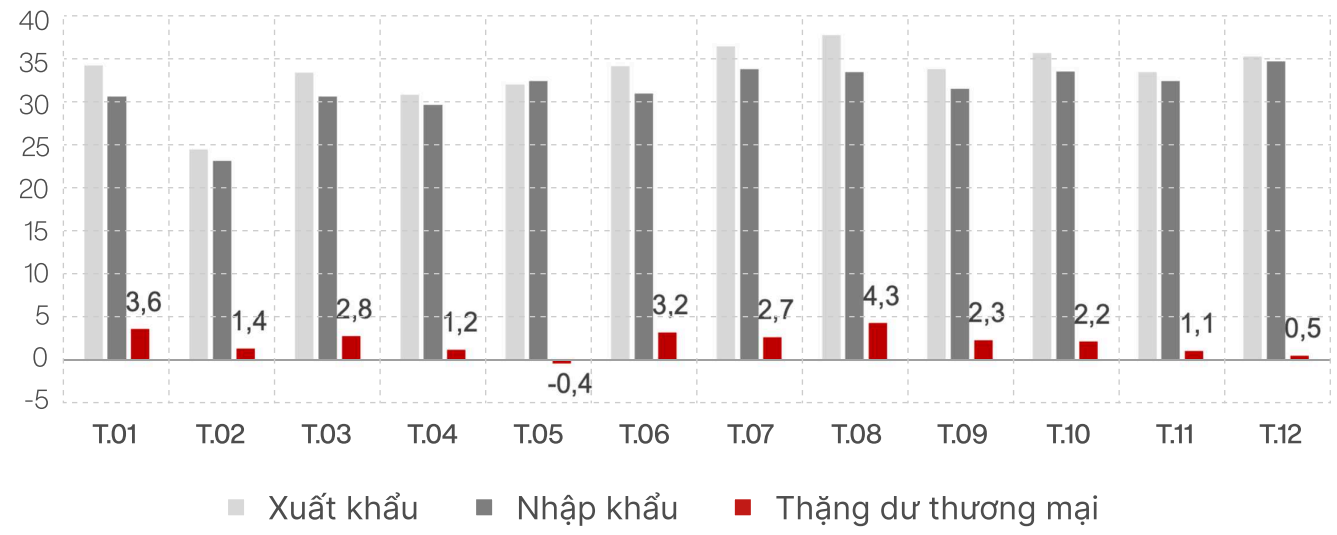

Vốn FDI vào Việt Nam trong giai đoạn từ 2020 đến 2024 (tỷ USD)

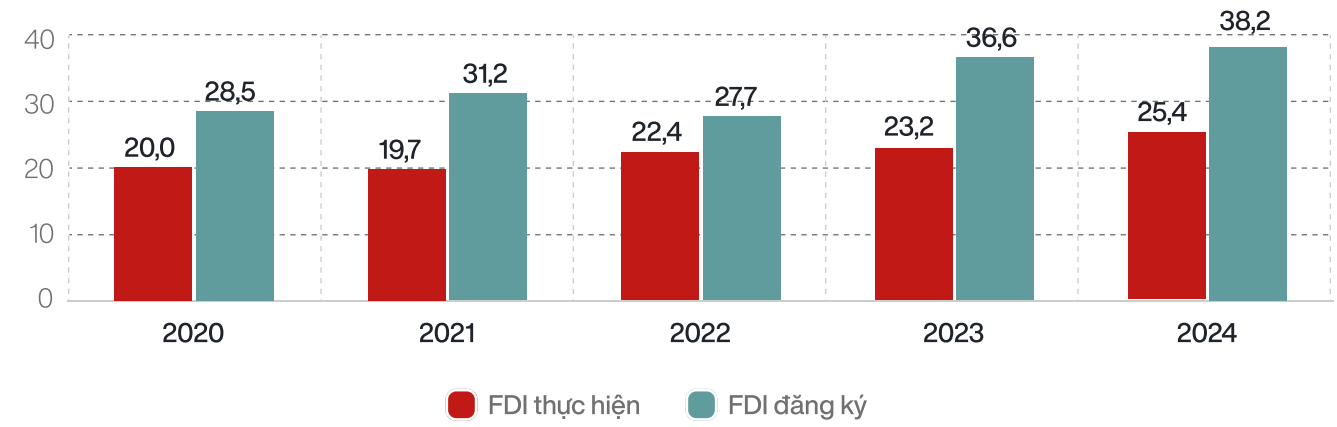

Nguồn: Tổng cục Thống kê Việt Nam

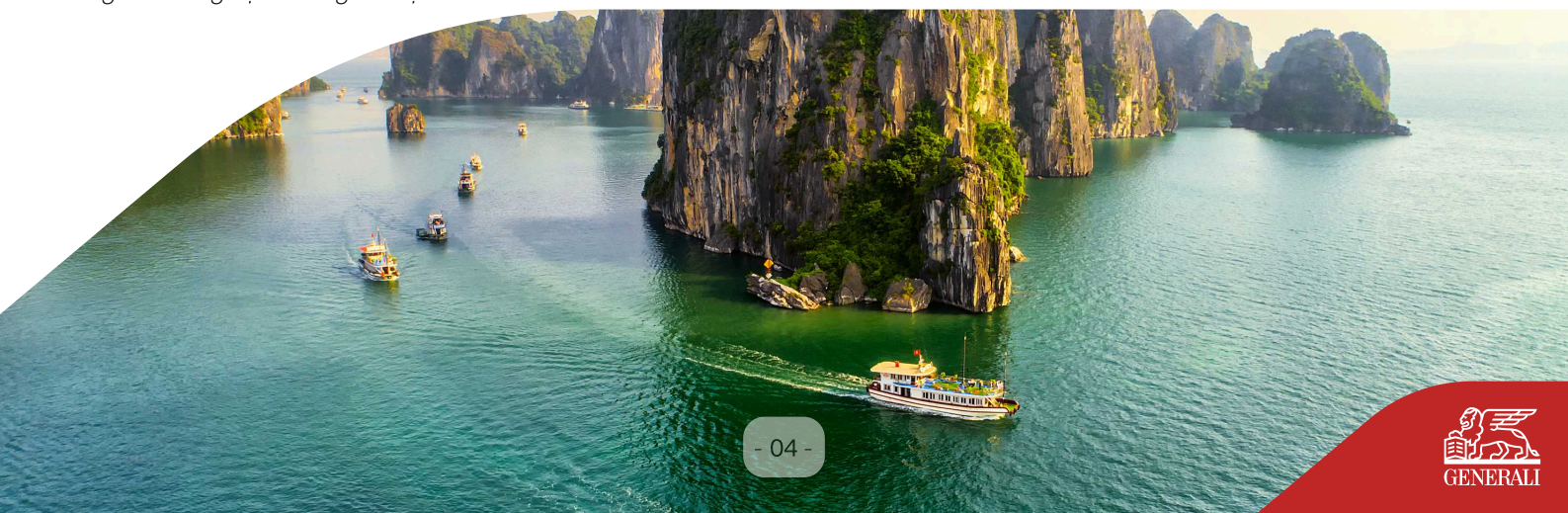

Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) giải ngân trong năm 2024 tăng 9,4% so với cùng kỳ năm trước lên 25,4 tỷ USD – là mức cao nhất từ trước đến nay. Tuy nhiên, theo số liệu của Cục Đầu tư nước ngoài, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, FDI đăng ký giảm 3,0% xuống còn 38,2 tỷ USD. Ngành công nghiệp chế biến, chế tạo đứng đầu về thu hút vốn FDI (25,6 tỷ USD), chiếm 66,9%. Ngành bất động sản đứng thứ hai với 6,3 tỷ USD, chiếm 16,5%. Các quốc gia dẫn đầu về FDI đăng ký tại Việt Nam năm 2024 là Singapore dẫn đầu với 10,2 tỷ USD, chiếm 26,7% tổng số đăng ký. Tiếp đến là Hàn Quốc (7,1 tỷ USD, chiếm 18,5%), Trung Quốc (4,7 tỷ USD, chiếm 12,4%), Hồng Kông (4,3 tỷ USD, chiếm 11,4%) và Nhật Bản (3,5 tỷ USD, chiếm 9,2%).

Biến động tỷ giá đã phần nào làm lu mờ hiệu suất kinh tế vĩ mô tích cực trong năm 2024. Đồng VND đã giảm 5,0% giá trị so với USD trong năm 2024. Nguyên nhân chủ yếu là do lạm phát dai dẳng ở Mỹ và dữ liệu việc làm mạnh mẽ làm chậm lại lộ trình cắt giảm lãi suất của Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (FED), cộng với kết quả cuộc bầu cử tổng thống Mỹ đã tạo ra sự không chắc chắn và lo ngại về thị trường tài chính toàn cầu, dẫn đến việc các nhà đầu tư chuyển sang đồng USD như một tài sản an toàn. Để duy trì ổn định tỷ giá, Ngân hàng Nhà nước đã phải bán khoảng 8,6 tỷ USD dự trữ trong năm 2024.

FDI đăng ký theo ngành năm 2024

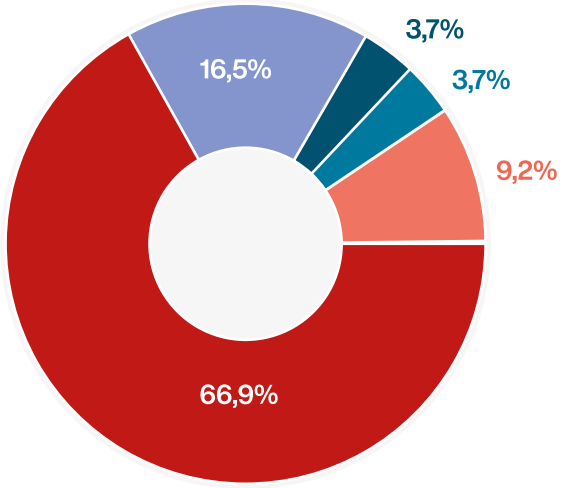

- 66,9% Công nghiệp chế biến, chế tạo
- 16,5% Bất động sản
- 3,7% Sản xuất phân phối điện
- 3,7% Buôn bán lẻ
- 9,2% Các ngành khác

FDI đăng ký theo quốc gia/khu vực năm 2024

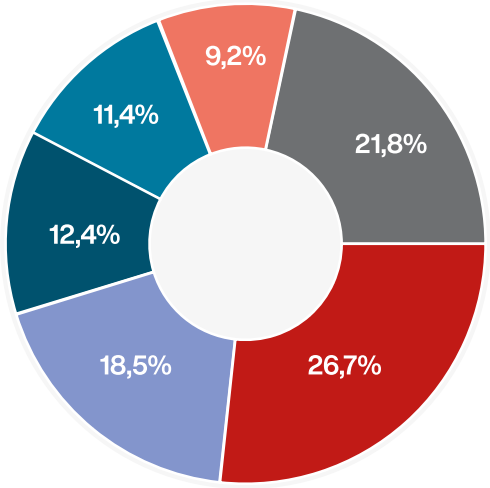

- 26,7% Singapore
- 18,5% Hàn Quốc
- 12,4% Trung Quốc
- 11,4% Hồng Kông
- 9,2% Nhật Bản
- 21,8% Khác

Nguồn: Cục Đầu tư nước ngoài, Bộ Kế hoạch và Đầu tư

THỊ TRƯỜNG CỔ PHIẾU

VN-Index đạt mức tăng trưởng 12,1% so với cùng kỳ năm trước. Hiệu suất này cao hơn gấp đôi so với mức tăng 5,1% của Chỉ số các Thị trường mới nổi (MSCI EM) và vượt xa các thị trường khác trong khu vực như PCOMP của Philippines, SET của Thái Lan và JCI của Indonesia.

Nửa đầu năm chứng kiến sự tăng trưởng mạnh mẽ của chỉ số VN-Index khi thành công vượt ngưỡng 1.300 điểm vào ngày 12/06/2024 (tương đương mức tăng 15,0% từ đầu năm) được thúc đẩy bởi:

1. Việc Quốc hội thông qua các luật quan trọng trong lĩnh vực bất động sản và ngân hàng tạo tâm lý tích cực cho nhà đầu tư;
2. Tăng trưởng GDP quý 1 năm 2024 đạt 5,66% so với cùng kỳ năm trước, mức tăng trưởng quý 1 mạnh nhất kể từ năm 2020;
3. Tăng trưởng lợi nhuận mạnh mẽ của các công ty niêm yết, lần lượt đạt 11,3% và 20,6% trong quý 1 và quý 2.

Tuy nhiên, nửa cuối năm chỉ số VN-Index dao động đi ngang trong biên độ hẹp, và đóng cửa năm ở mức 1.266,78 điểm, tăng 12,1% so với cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân chính của việc chỉ số chứng khoán khó bứt phá trong nửa cuối năm là do tâm lý lo ngại của nhà đầu tư trước và sau kết quả cuộc bầu cử Tổng thống Mỹ cũng như áp lực về tỷ giá VND.

Năm 2024, giá trị giao dịch trung bình trên ba sàn chứng khoán tăng 20,5% so với cùng kỳ năm trước lên 21.100 tỷ đồng. Số lượng tài khoản mới tăng vọt 411,8% lên hơn 2 triệu tài khoản. Nhà đầu tư nước ngoài vẫn tiếp tục bán ròng trong năm 2024 với tổng khối lượng bán ròng đạt 90.300 tỷ đồng (tương đương 3,5 tỷ USD) trên VN-Index (so với mức 24.700 tỷ đồng trong năm 2023). Nguyên nhân chính do sự giảm giá của đồng VND đã làm xói mòn lợi nhuận tính bằng USD của các nhà đầu tư nước ngoài. Ngoài ra, trong bối cảnh bất ổn địa chính trị và kinh tế gia tăng, dòng vốn toàn cầu có xu hướng dịch chuyển sang các nơi trú ẩn an toàn hơn như Mỹ. Hiện tượng bán ròng của nhà đầu tư nước ngoài không chỉ xảy ra ở Việt Nam mà còn xuất hiện ở các thị trường mới nổi khác.

Năm 2024 cũng chứng kiến sự quyết tâm của Chính phủ trong việc củng cố tính minh bạch và nỗ lực nâng hạng thị trường bao gồm: (1) Thông qua Luật Chứng khoán mới; (2) Đưa ra xét xử các vụ án nổi bật như Tân Hoàng Minh, Vạn Thịnh Phát và Tập đoàn FLC - Trịnh Văn Quyết và (3) Cải thiện quyền truy cập của nhà đầu tư nước ngoài thông qua việc ban hành Thông tư số 68/2024/TT-BTC. Những biện pháp này hy vọng sẽ góp phần kiến tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển của thị trường chứng khoán trong tương lai.

Hiệu suất đầu tư của VN-Index trong 10 năm từ 2014 đến 2024

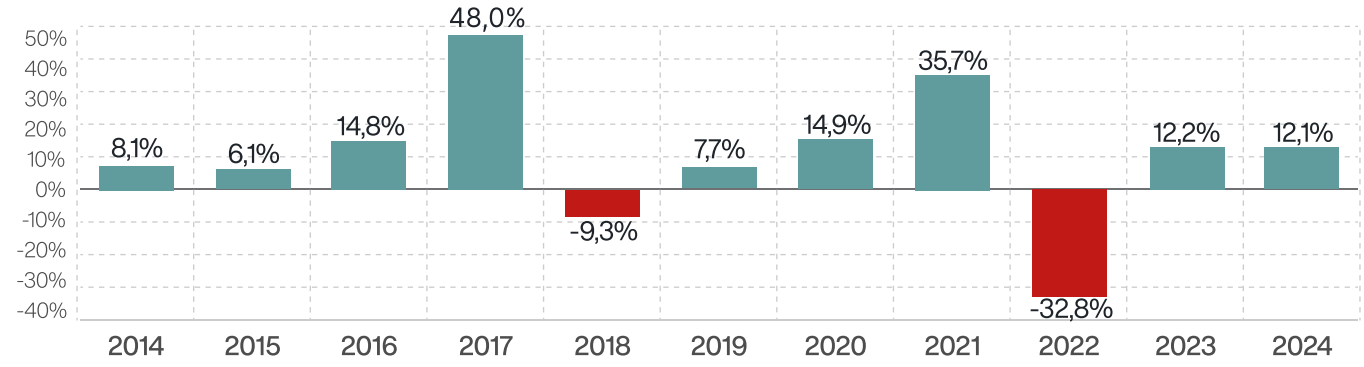

Tỷ suất lợi nhuận của VN-Index so với các thị trường khác trong khu vực trong năm 2024

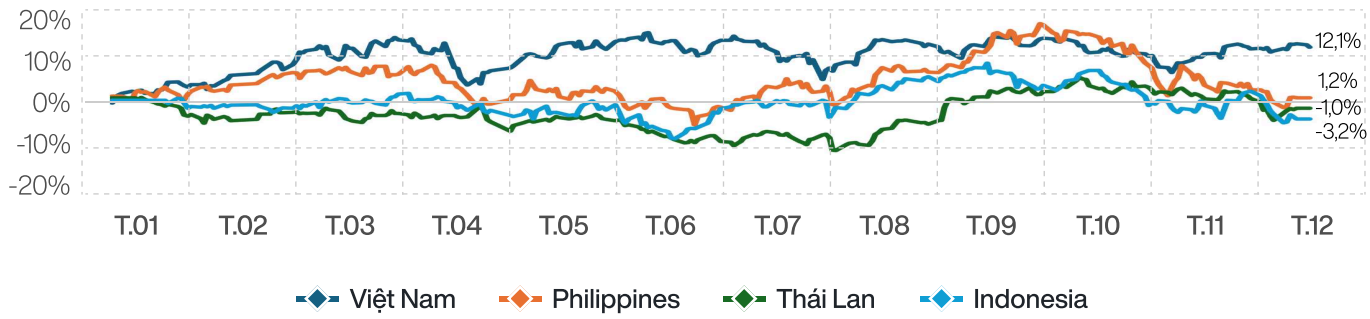

Nguồn: Bloomberg

THỊ TRƯỜNG TRÁI PHIẾU

Trái phiếu Chính phủ

Theo dữ liệu của Hiệp hội Thị trường Trái phiếu Việt Nam (VBMA) tổng hợp, tổng giá trị trái phiếu Chính phủ phát hành thông qua đấu thầu trong năm 2024 là 330.376 tỷ đồng, tương đương 82,6% kế hoạch cả năm (400.000 tỷ đồng). Trong đó khối lượng trái phiếu Chính phủ phát hành quý 4 là 58.705 tỷ đồng, chỉ đạt 45,9% kế hoạch quý (128.000 tỷ đồng). Kỳ hạn phát hành bình quân tháng 12 là 14,53 năm, lãi suất phát hành bình quân là 2,63%/năm. Kho bạc Nhà nước không đạt được kế hoạch phát hành trong quý 4 và cả năm có thể do các nguyên nhân sau: (1) Áp lực phát hành thấp từ Kho bạc Nhà nước khi tổng thu ngân sách Nhà nước vượt kế hoạch cả năm (119,8% kế hoạch cả năm tính đến cuối tháng 12) và (2) Nhu cầu trái phiếu Chính phủ giảm do thanh khoản thắt chặt vào cuối năm như một yếu tố mùa vụ.

Theo dữ liệu tổng hợp của công ty chứng khoán BSC, lãi suất phát hành duy trì xu hướng tăng trong cả năm, ngoại trừ một vài nhịp giảm nhẹ không đáng kể vào khoảng tháng 8 và tháng 9. Lãi suất phát hành bình quân trong năm 2024 là 2,52% (giảm 69 điểm phần trăm từ mức 3,21% trong năm 2023). Kỳ hạn phát hành bình quân là 11,12 năm, giảm mạnh so với năm 2023 (12,58 năm). Kỳ hạn phát hành vẫn tiếp tục tập trung chủ yếu ở các kỳ hạn 5 năm, 10 năm và 15 năm.

Lợi suất trái phiếu trên thị trường thứ cấp cũng tăng tương đồng với thị trường sơ cấp. Tuy nhiên biến động lợi suất không quá lớn, tốc độ tăng thấp cũng như xuất hiện nhiều giai đoạn lợi suất đi ngang trong năm. Việc lợi suất trái phiếu Chính phủ tăng trên thị trường thứ cấp có thể được giải thích bởi: (1) Lợi suất trái phiếu Kho bạc Mỹ kỳ hạn 10 năm tăng và (2) Một số ngân hàng tiếp tục tăng lãi suất tiền gửi đặc biệt trong giai đoạn cuối năm.

Đường cong lợi suất trái phiếu Chính phủ từ 2022 đến 2024

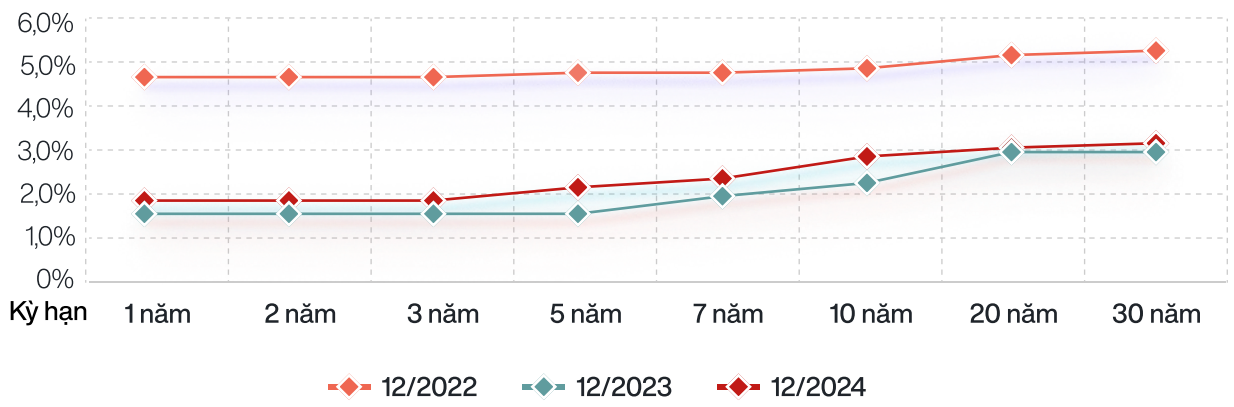

Giá trị phát hành trái phiếu Chính phủ (tỷ đồng)

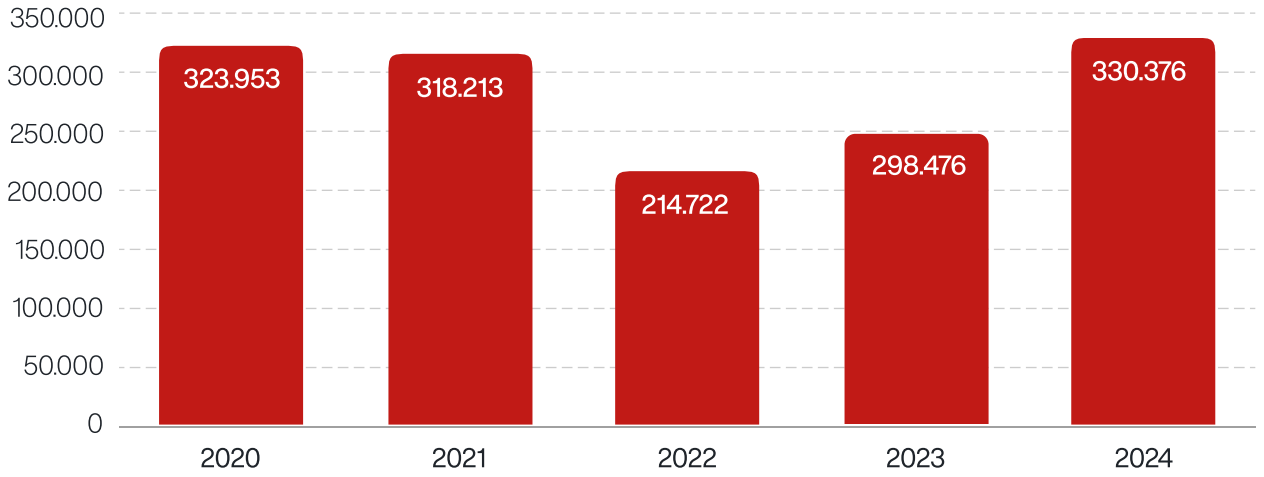

Nguồn: VBMA, HNX

Trái phiếu doanh nghiệp

Theo dữ liệu VBMA tổng hợp, tính đến ngày công bố thông tin 31/12/2024, có 54 đợt phát hành trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ trị giá 56.793 tỷ đồng và 1 đợt phát hành ra công chúng trị giá 800 tỷ đồng trong tháng 12/2024. Tính cả năm 2024, có 429 đợt phát hành riêng lẻ trị giá 410.544 tỷ đồng và 22 đợt phát hành ra công chúng trị giá 32.914 tỷ đồng.

Năm 2024, ngành ngân hàng ghi nhận tỷ lệ phát hành trái phiếu doanh nghiệp cao nhất, với tổng giá trị phát hành là hơn 300.000 tỷ đồng (tăng 54,0% so với cùng kỳ năm trước), chiếm 69,0% tổng giá trị phát hành. Ngành bất động sản đứng thứ hai, với tổng giá trị phát hành là hơn 88.000 tỷ đồng (giảm 9,0% so với cùng kỳ năm trước), chiếm 20,0% tổng giá trị phát hành.

Theo số liệu tổng hợp từ các báo cáo quý của VBMA, lãi suất phát hành bình quân toàn thị trường năm 2024 là khoảng 7,2%/năm, giảm mạnh gần 3,0% so với mức 10,1% vào năm 2023. Kỳ hạn phát hành bình quân năm 2024 tăng lên 4,3 năm (so với mức năm 2023 là 3,8 năm). Điều này có thể lý giải do tỷ trọng cao của ngành ngân hàng trong cơ cấu phát hành mới. Trái phiếu ngân hàng có đặc điểm lãi suất thấp hơn và kỳ hạn dài hơn so với các ngành khác.

Giá trị phát hành trái phiếu doanh nghiệp (tỷ đồng)

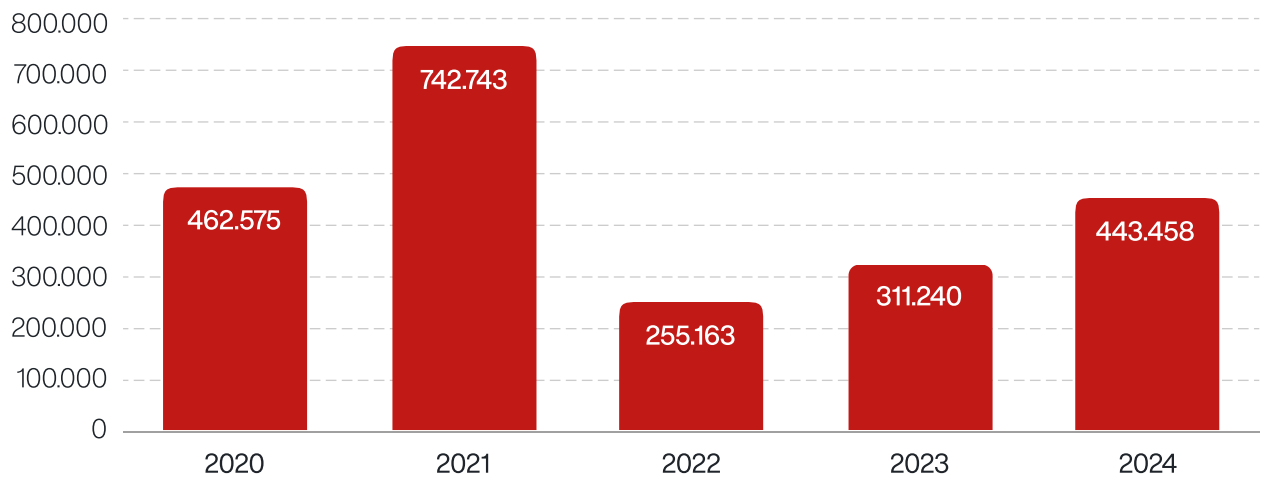

Cơ cấu trái phiếu doanh nghiệp phát hành theo ngành

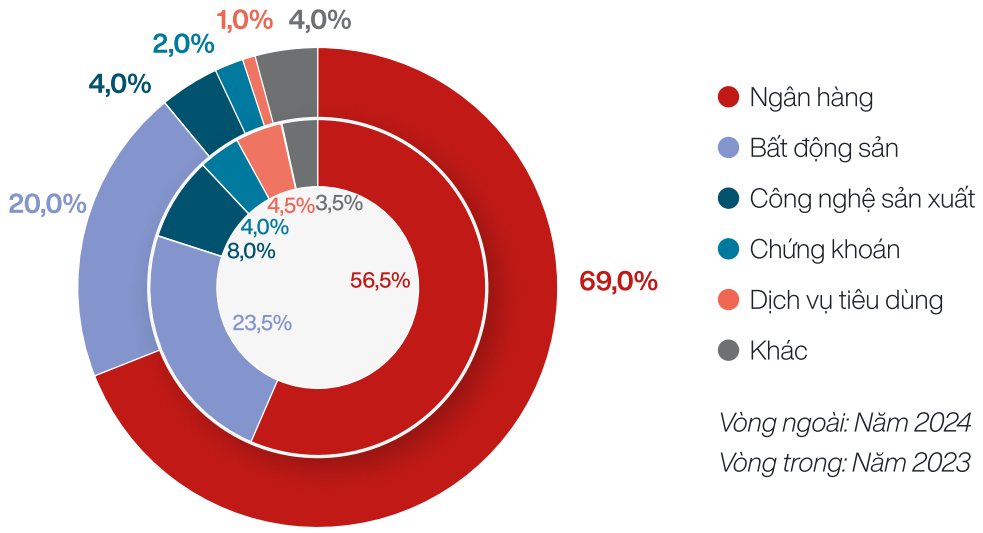

Nguồn: VBMA, HNX

THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ VÀ LÃI SUẤT NGÂN HÀNG

Năm 2024, Ngân hàng Nhà nước duy trì chính sách tiền tệ nới lỏng sau bốn lần cắt giảm lãi suất trong nửa đầu năm 2023. Tuy nhiên, do áp lực tỷ giá trong nửa đầu năm 2024, Ngân hàng Nhà nước đã phải tìm cách thu hẹp khoảng cách giữa lãi suất VND và USD bằng cách nâng lãi suất Thị trường mở (OMO) từ 4,0% lên 4,5%, và nâng lãi suất tín phiếu tăng lên 4,5% từ 3,9%. Đồng thời, Ngân hàng Nhà nước đã bán khoảng 8,6 tỷ USD dự trữ để giảm áp lực tỷ giá.

Lãi suất tiền gửi vẫn được duy trì ở mức thấp, tuy có tăng nhẹ vào cuối năm. Theo thống kê của Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT, lãi suất tiền gửi 12 tháng trung bình của các ngân hàng thương mại kết thúc năm 2024 ở mức 4,86%, giảm nhẹ so với mức 5,0% vào cuối năm 2023. Đồng thời, theo Bộ Tài chính, lãi suất cho vay đã giảm đáng kể 44 điểm cơ bản so với năm 2023.

Tăng trưởng tín dụng tăng 15,1% trong năm 2024, vượt mức 13,8% của năm trước. Ngân hàng Nhà nước trong năm 2024 đã chủ động quản lý tăng trưởng tín dụng thông qua việc công khai mục tiêu tăng trưởng từ đầu năm và điều chỉnh hạn mức tín dụng hai lần trong năm 2024 để đảm bảo cung cấp đủ tín dụng cho nền kinh tế và thúc đẩy tăng trưởng.

PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ

Giá trị tài sản ròng của Quỹ liên kết đơn vị được tính bằng tổng giá trị các tài sản và các khoản đầu tư của Quỹ trừ đi tổng giá trị các khoản nợ phải trả của Quỹ tại thời điểm định giá.

Tăng Trưởng Lợi Nhuận Quỹ Tăng Trưởng Năm 2024

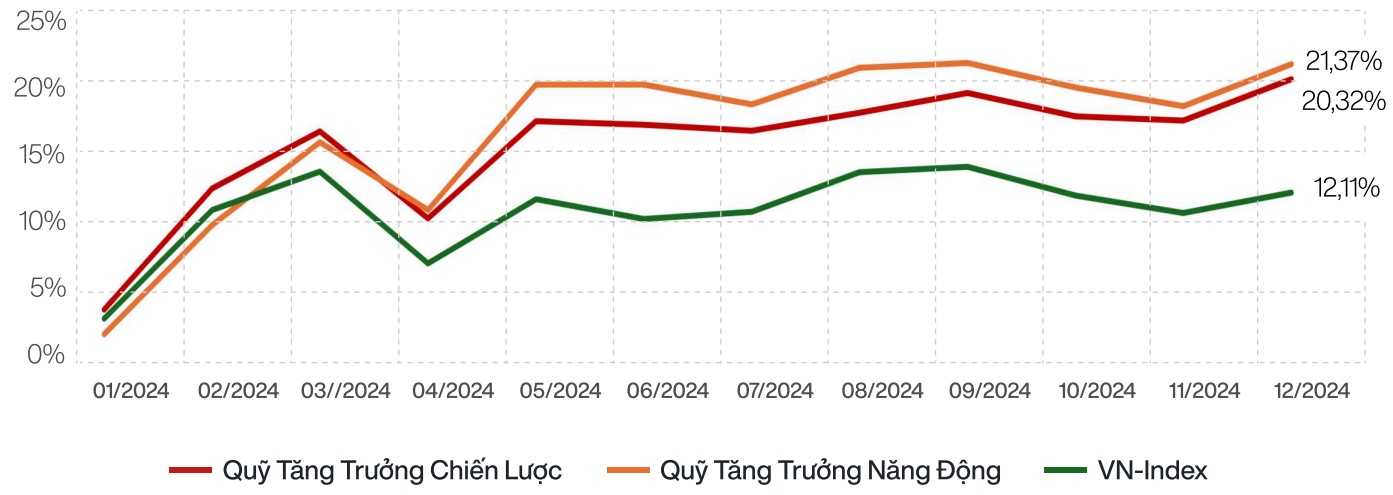

Tăng Trưởng Lợi Nhuận Quỹ Tích Lũy Năm 2024

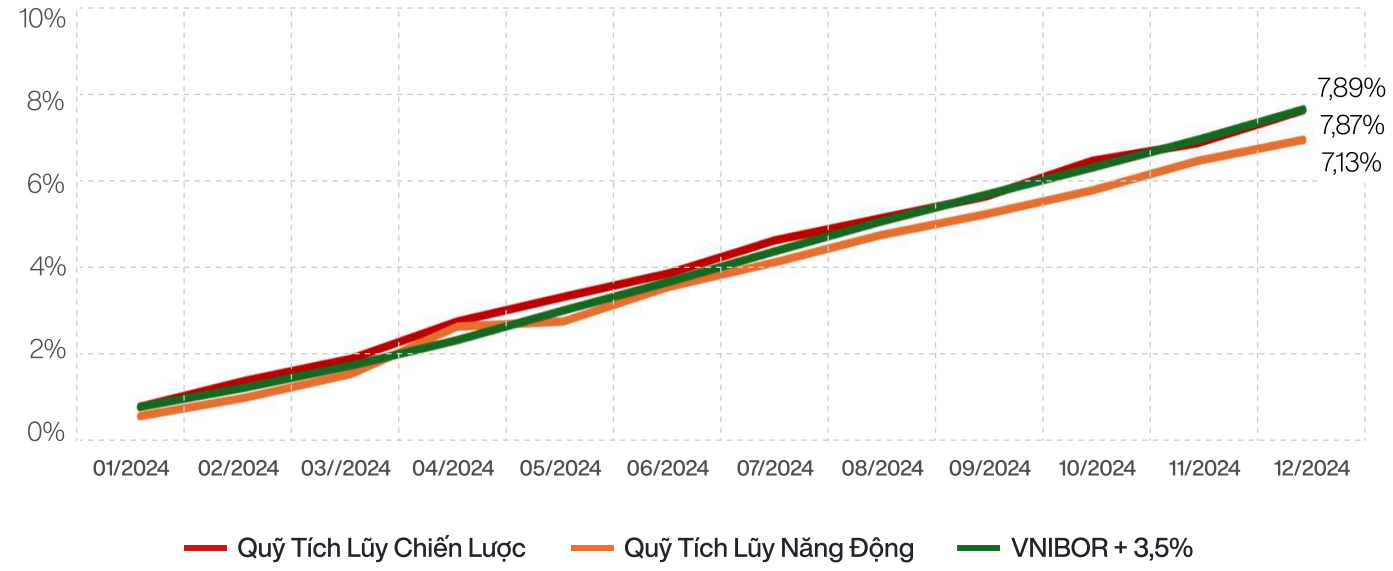

CÁC QUỸ ĐẦU TƯ TĂNG TRƯỞNG

Các Quỹ Đầu Tư Tăng Trưởng là các Quỹ liên kết đơn vị nhằm cung cấp sự tăng trưởng vốn trong thời gian trung và dài hạn thông qua việc đầu tư vào danh mục đa dạng các cổ phiếu niêm yết trong các ngành có thể hưởng lợi từ xu thế tăng trưởng kinh tế của Việt Nam và thế giới.

Mức sinh lời so sánh: VN-Index

QUỸ TĂNG TRƯỞNG CHIẾN LƯỢC

Đơn vị quản lý quỹ: Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ VinaCapital (VCFM)
Ngày thành lập quỹ: 15/08/2019

LỢI NHUẬN ĐẦU TƯ

	2024	2023	2022	2021	2020	2019(*)	Từ ngày thành lập
Quỹ Tăng Trưởng Chiến Lược	**20,32%**	21,85%	-22,11%	52,42%	11,05%	N/A	**88,63%**
Mức sinh lời so sánh	**12,11%**	12,20%	-32,78%	35,73%	14,87%	7,76%	**29,35%**

(*) Quỹ thành lập vào ngày 15/08/2019 nên không tính mức lợi nhuận cho cả năm 2019

Top 5 tài sản nắm giữ (tại ngày 31/12/2024)

Mã chứng khoán	Ngành	Tỷ lệ nắm giữ (%)
FPT	CNTT	9,7%
CTG	Ngân hàng	6,9%
MBB	Ngân hàng	6,7%
ACB	Ngân hàng	6,1%
VCB	Ngân hàng	5,6%

Phân bổ tài sản tại thời điểm 31/12/2024 - Quỹ Tăng Trưởng Chiến Lược

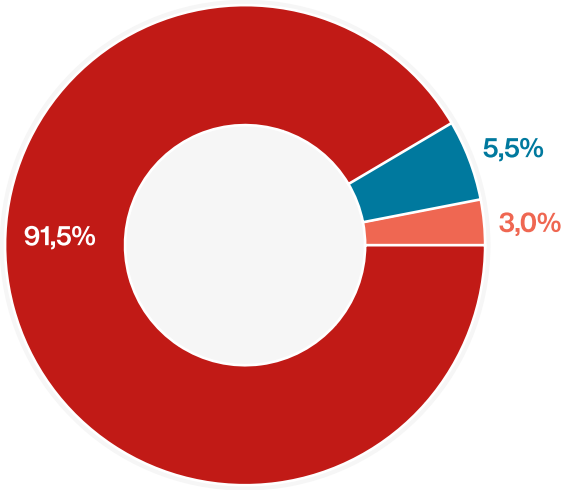

91,5% Cổ phiếu niêm yết
5,5% Tiền và các tài sản khác
3,0% Tiền gửi có kỳ hạn và chứng chỉ tiền gửi

QUỸ TĂNG TRƯỞNG NĂNG ĐỘNG

Đơn vị quản lý quỹ: Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Dragon Capital Việt Nam (DCVFM).
Kể từ ngày 31/12/2020, Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam (VFM) đổi tên thành Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Dragon Capital Việt Nam (DCVFM)

Ngày thành lập quỹ: 15/08/2019

LỢI NHUẬN ĐẦU TƯ

	2024	2023	2022	2021	2020	2019(*)	Từ ngày thành lập
Quỹ Tăng Trưởng Năng Động	**21,37%**	19,07%	-33,01%	45,47%	14,06%	N/A	**58,34%**
Mức sinh lời so sánh	**12,11%**	12,20%	-32,78%	35,73%	14,87%	7,76%	**29,35%**

(*) Quỹ thành lập vào ngày 15/08/2019 nên không tính mức lợi nhuận cho cả năm 2019

Top 5 tài sản nắm giữ (tại ngày 31/12/2024)

Mã chứng khoán	Ngành	Tỷ lệ nắm giữ (%)
FPT	CNTT	11,7%
MWG	Tiêu dùng không thiết yếu	7,1%
CTG	Ngân hàng	5,8%
STB	Ngân hàng	4,4%
HPG	Vật liệu cơ bản	4,2%

Phân bổ tài sản tại thời điểm 31/12/2024 - Quỹ Tăng Trưởng Năng Động

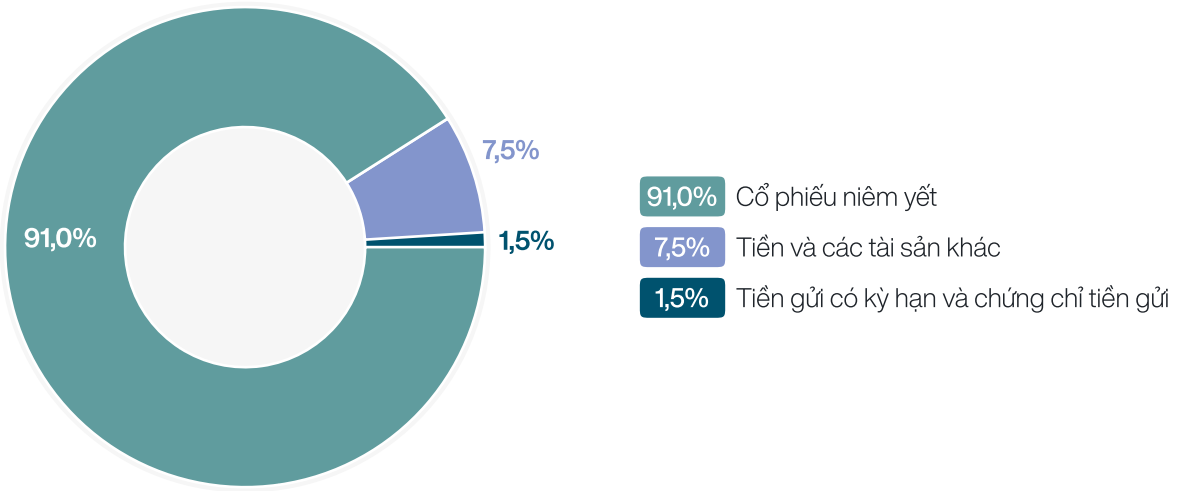

CÁC QUỸ ĐẦU TƯ TÍCH LŨY

Các Quỹ Đầu Tư Tích Lũy là các Quỹ liên kết đơn vị với mục tiêu đem lại thu nhập ổn định với mức độ rủi ro thấp thông qua đầu tư vào danh mục đa dạng các loại trái phiếu và tài sản sinh lợi ổn định.

Mức sinh lời so sánh: Lãi suất liên ngân hàng Việt Nam (VNIBOR) 3 tháng + 3,5%

QUỸ TÍCH LŨY CHIẾN LƯỢC

Đơn vị quản lý quỹ: VCFM

Ngày thành lập quỹ: 15/08/2019

LỢI NHUẬN ĐẦU TƯ

	2024	2023	2022	2021	2020	2019(*)	Từ ngày thành lập
Quỹ Tích Lũy Chiến Lược	**7,87%**	9,03%	9,07%	9,22%	7,16%	N/A	**53,18%**
Mức sinh lời so sánh	**7,89%**	8,80%	7,81%	5,00%	5,78%	2,80%	**44,68%**

(*) Quỹ thành lập vào ngày 15/08/2019 nên không tính mức lợi nhuận cho cả năm 2019

Top 5 tài sản nắm giữ (tại ngày 31/12/2024)

Tài sản	Tỷ lệ nắm giữ (%)
Trái phiếu SBT	17,8%
Trái phiếu HDB	15,4%
Trái phiếu KDH	10,2%
Trái phiếu VCM	9,4%
Trái phiếu BAF	8,0%

Phân bổ tài sản tại thời điểm 31/12/2024 - Quỹ Tích Lũy Chiến Lược

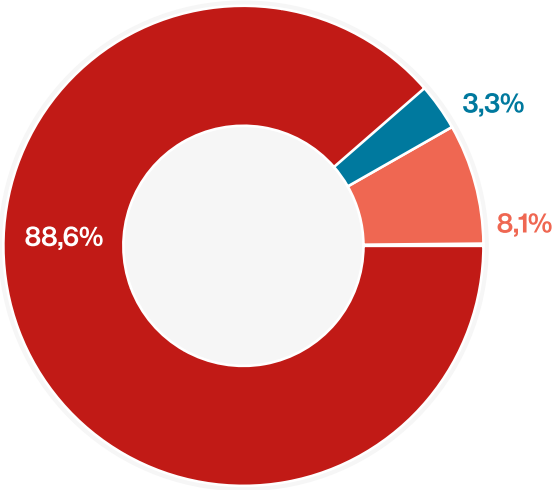

88,6% Trái phiếu doanh nghiệp

8,1% Tiền gửi có kỳ hạn và chứng chỉ tiền gửi

3,3% Tiền và các tài sản khác

QUỸ TÍCH LŨY NĂNG ĐỘNG

Đơn vị quản lý quỹ: DCVFM

Ngày thành lập quỹ: 15/08/2019

LỢI NHUẬN ĐẦU TƯ

	2024	2023	2022	2021	2020	2019(*)	Từ ngày thành lập
Quỹ Tích Lũy Năng Động (**)	**7,13%**	8,72%	8,69%	8,36%	7,37%	N/A	**50,24%**
Mức sinh lời so sánh	**7,89%**	8,80%	7,81%	5,00%	5,78%	2,80%	**44,68%**

(*) Quỹ thành lập vào ngày 15/08/2019 nên không tính mức lợi nhuận cho cả năm 2019

(**) Từ ngày 01/01/2025, Generali đã chính thức thay đổi Đơn vị quản lý Quỹ từ DCVFM sang VCFM

Top 5 tài sản nắm giữ (tại ngày 31/12/2024)

Tài sản	Tỷ lệ nắm giữ (%)
Trái phiếu TNG	11,9%
Trái phiếu VPI	11,8%
Trái phiếu KDH	10,1%
Chứng chỉ tiền gửi VP SMBC	8,6%
Chứng chỉ tiền gửi Home Credit	7,0%

Phân bổ tài sản tại thời điểm 31/12/2024 - Quỹ Tích Lũy Năng Động

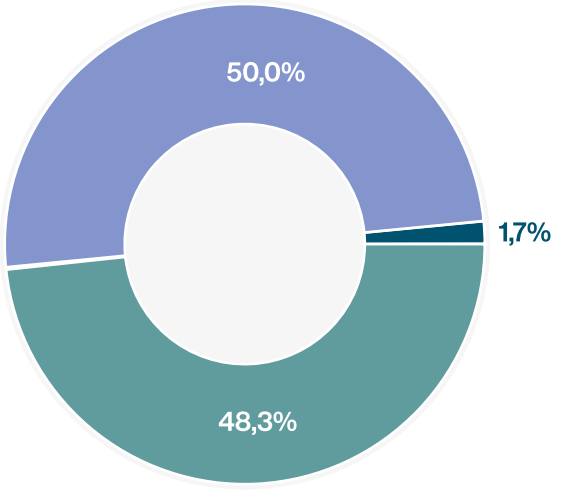

- 50,0% Trái phiếu doanh nghiệp
- 48,3% Tiền gửi có kỳ hạn và chứng chỉ tiền gửi
- 1,7% Tiền và các tài sản khác

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

I. BÁO CÁO PHÍ BẢO HIỂM VÀ TÌNH HÌNH THAY ĐỔI ĐƠN VỊ QUỸ CỦA CÁC QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ

Đơn vị: VND

	Năm 2024
A. Tổng số phí bảo hiểm nộp trong năm	**1.175.352.648.800**
Phí bảo hiểm cơ bản	1.161.818.050.700
Phí bảo hiểm đóng thêm	13.534.598.100
B. Phần đóng góp tương ứng của Quỹ chủ sở hữu vào các Quỹ liên kết đơn vị	**-**
C. Phí ban đầu khấu trừ trước khi đầu tư vào các Quỹ liên kết đơn vị	**420.985.708.300**
Năm thứ nhất	176.046.291.800
Năm thứ hai	151.430.214.200
Năm thứ ba	66.376.060.500
Từ năm thứ tư trở đi	27.133.141.800
D. Tổng số phí bảo hiểm đầu tư vào các Quỹ liên kết đơn vị (A-B-C)	**754.366.940.500**
Tổng số phí bảo hiểm đã phân bổ vào các Quỹ liên kết đơn vị	740.982.300.400
Phí bảo hiểm đã nhận chưa phân bổ vào các Quỹ liên kết đơn vị	13.384.640.100

TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỀ ĐƠN VỊ CỦA QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ

Quỹ	Số dư ngày 1 tháng 1 năm 2024				Phát sinh tăng/ giảm trong năm		Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2024			
	Số tiền (VND)	Số đơn vị quỹ	Giá mua (VND)	Giá bán (VND)	Số tiền (VND)	Số đơn vị quỹ	Số tiền (VND)	Số đơn vị quỹ	Giá mua (VND)	Giá bán (VND)
Quỹ Tích Lũy Chiến Lược	91.750.758.506	6.460.944	14.201	14.201	25.894.549.846	1.219.324	117.645.308.352	7.680.268	15.318	15.318
Quỹ Tích Lũy Năng Động	99.093.227.801	7.066.123	14.024	14.024	29.521.885.711	1.494.566	128.615.113.512	8.560.688	15.024	15.024
Quỹ Tăng Trưởng Chiến Lược	183.228.133.804	11.686.931	15.678	15.678	152.684.072.354	6.121.021	335.912.206.158	17.807.953	18.863	18.863
Quỹ Tăng Trưởng Năng Động	173.462.015.145	13.296.378	13.046	13.046	155.141.374.722	7.456.140	328.603.389.867	20.752.518	15.834	15.834
	547.534.135.256	**38.510.376**			**363.241.882.633**	**16.291.051**	**910.776.017.889**	**54.801.427**		

GENERALI

II. BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI SẢN CỦA CÁC QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ

Đơn vị: VND

Năm 2024

Tài sản	Quỹ Tích Lũy Chiến Lược	Quỹ Tích Lũy Năng Động	Quỹ Tăng Trưởng Chiến Lược	Quỹ Tăng Trưởng Năng Động	Tổng cộng
Tiền	**36.885.548**	**39.603.154**	**18.709.343.728**	**26.160.921.168**	**44.946.753.598**
Danh mục đầu tư	**113.713.393.153**	**126.455.730.647**	**317.308.516.150**	**304.141.670.000**	**861.619.309.950**
◆ Tiền gửi có kỳ hạn và chứng chỉ tiền gửi	9.500.000.000	62.150.000.000	10.000.000.000	5.000.000.000	86.650.000.000
◆ Trái phiếu doanh nghiệp	104.213.393.153	64.305.730.647	-	-	168.519.123.800
◆ Cổ phiếu niêm yết	-	-	307.308.516.150	299.141.670.000	606.450.186.150
Tài sản khác	**3.895.029.651**	**2.119.779.711**	**(105.653.720)**	**(1.699.201.301)**	**4.209.954.341**
◆ Phải thu từ các khoản đầu tư	3.919.142.237	2.146.140.669	9.109.589	(1.586.935.025)	4.487.457.470
◆ Tài sản khác	(24.112.586)	(26.360.958)	(114.763.309)	(112.266.276)	(277.503.129)
Tổng tài sản	**117.645.308.352**	**128.615.113.512**	**335.912.206.158**	**328.603.389.867**	**910.776.017.889**

GENERALI

III. BÁO CÁO THU NHẬP VÀ CHI PHÍ CỦA CÁC QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ

Đơn vị: VND

Năm 2024

Nội dung	Quỹ Tích Lũy Chiến Lược	Quỹ Tích Lũy Năng Động	Quỹ Tăng Trưởng Chiến Lược	Quỹ Tăng Trưởng Năng Động	Tổng cộng
Thu nhập/Doanh thu					
Phí bảo hiểm đầu tư vào các Quỹ liên kết đơn vị	51.494.592.800	57.794.017.000	321.172.315.100	310.521.375.500	740.982.300.400
Thu nhập đầu tư từ hoạt động đầu tư	9.321.471.383	9.363.626.240	47.590.212.290	47.215.174.020	113.490.483.933
◆ Tiền gửi có kỳ hạn và chứng chỉ tiền gửi	1.454.730.125	2.809.793.419	236.500.229	188.253.425	4.689.277.198
◆ Trái phiếu Chính phủ	-	(88.924.086)	-	-	(88.924.086)
◆ Trái phiếu doanh nghiệp	7.866.741.258	6.642.756.907	-	-	14.509.498.165
◆ Cổ phiếu niêm yết	-	-	47.353.712.061	47.026.920.595	94.380.632.656
Thu nhập khác	(67.602.400)	(115.853.100)	(499.731.800)	(497.402.400)	(1.180.589.700)
Tổng thu nhập/ Doanh thu (1)	**60.748.461.783**	**67.041.790.140**	**368.262.795.590**	**357.239.147.120**	**853.292.194.633**
Chi phí					
◆ Phí bảo hiểm rủi ro	28.169.581.220	30.029.683.037	175.231.220.104	164.796.395.640	398.226.880.000
◆ Phí quản lý hợp đồng	1.951.331.580	2.080.182.463	12.138.420.196	11.415.590.760	27.585.525.000
◆ Phí chuyển đổi quỹ	-	100.000	-	100.000	200.000
◆ Phí hủy bỏ hợp đồng	3.192.040.800	3.734.526.500	21.882.578.600	19.712.016.900	48.521.162.800
◆ Phí quản lý quỹ	1.540.958.337	1.675.412.429	6.326.504.336	6.173.669.098	15.716.544.200
Tổng chi phí (2)	**34.853.911.937**	**37.519.904.429**	**215.578.723.236**	**202.097.772.398**	**490.050.312.000**
Chênh lệch giữa doanh thu và chi phí [(3) = (1) – (2)]	**25.894.549.846**	**29.521.885.711**	**152.684.072.354**	**155.141.374.722**	**363.241.882.633**
Thu nhập chưa phân chia chuyển từ kỳ trước sang	-	-	-	-	-
Thu nhập phân chia					
◆ Cho chủ hợp đồng	21.426.400.733	25.521.021.544	152.684.072.354	155.141.374.722	354.772.869.353
◆ Cho chủ sở hữu (tối đa bằng với tỷ lệ phí quản lý quỹ)	-	-	-	-	-
◆ Cho chủ sở hữu (tương ứng với thu nhập từ quỹ mồi)	4.468.149.113	4.000.864.167	-	-	8.469.013.280
Thu nhập chưa phân chia chuyển sang năm sau	-	-	-	-	-

Dương Thị Ngọc Tâm	**Nguyễn Khắc Định**	**Hồ Thị Việt Hà**	**Nguyễn Phương Anh**
Kế toán trưởng	Chuyên gia Tính toán	Phó Tổng Giám đốc Tài chính và Chiến lược Doanh nghiệp	Tổng Giám đốc
(Đã ký)	(Đã ký)	(Đã ký)	(Đã ký)

TRIỂN VỌNG NĂM 2025

GENERALI

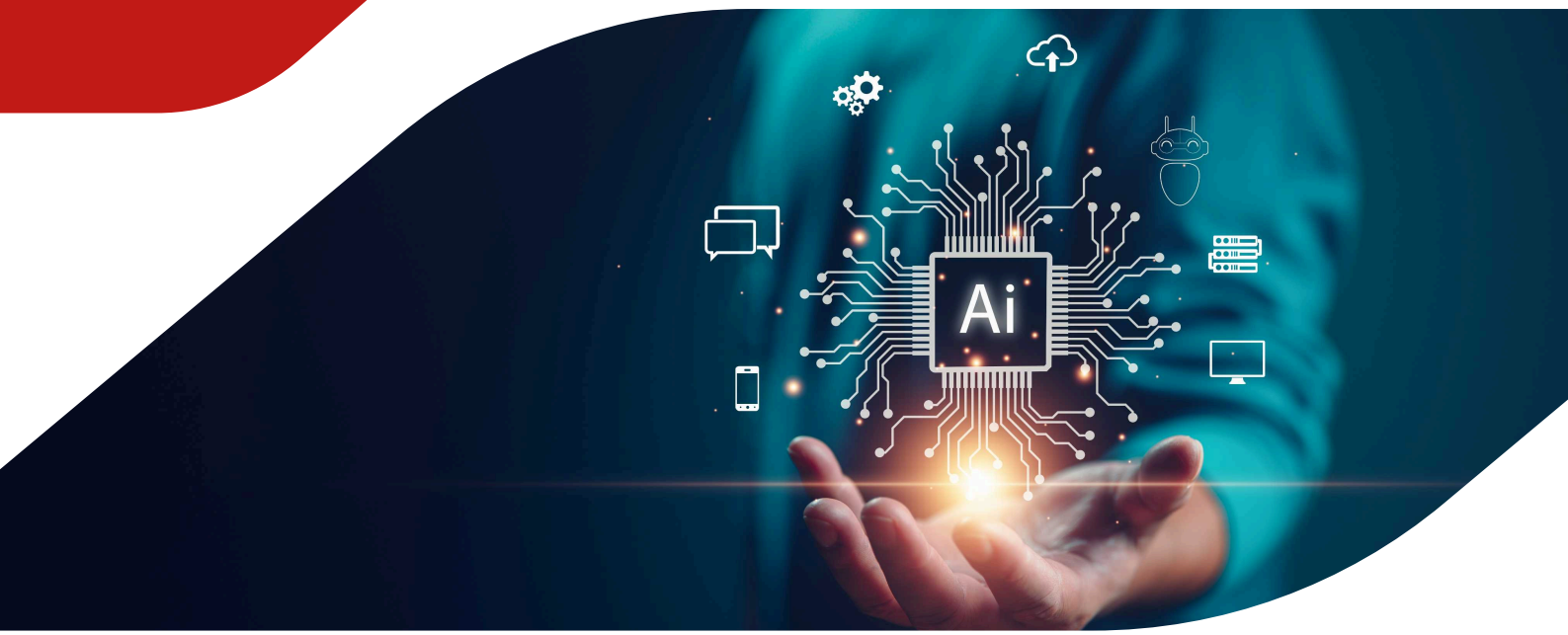

KINH TẾ VĨ MÔ

Chính phủ đặt ra mục tiêu tăng trưởng kinh tế năm 2025 đạt 8,0%. Trong khi đó, các tổ chức quốc tế như Ngân hàng Thế giới (World Bank), Ngân hàng Phát triển Châu Á (Asian Development Bank), Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (Organization for Economic Cooperation and Development), Quỹ Tiền tệ Quốc tế (International Monetary Fund) cũng nâng mức dự báo tăng trưởng GDP Việt Nam năm 2025 lên mức 6,1% - 6,6%, cao hơn nhiều so với dự báo về tốc độ tăng trưởng GDP toàn cầu ở mức 3,2% - 3,3%. Kỳ vọng tăng trưởng kinh tế năm 2025 sẽ được hỗ trợ bởi:

1. Chi Ngân sách Nhà nước cho đầu tư và phát triển dự kiến tăng mạnh (tăng 16,7% so với kế hoạch năm 2024 lên 790,7 nghìn tỷ đồng). Dự kiến sẽ đóng góp thêm 0,8 điểm phần trăm vào tăng trưởng GDP năm 2025.
2. Sự cải thiện dần của tiêu dùng nội địa trong bối cảnh áp lực lạm phát giảm và thị trường lao động cải thiện.
3. Tăng trưởng mạnh mẽ liên tục lượng khách du lịch quốc tế đến Việt Nam vào năm 2025, dự kiến tiếp tục mức tăng 25,0% hàng năm.
4. Thị trường bất động sản ấm lên nhờ vào việc thực hiện chính thức Luật Đất đai sửa đổi. Đầu tư tư nhân tăng, và môi trường kinh doanh được cải thiện do các cải cách của chính phủ. Ngoài ra, sự phục hồi của ngành bất động sản sẽ thúc đẩy tăng trưởng trong các ngành dịch vụ liên quan như xây dựng, tài chính - ngân hàng - bảo hiểm, từ đó nâng cao tăng trưởng tổng thể trong toàn bộ ngành dịch vụ.

Ngoài những yếu tố tích cực kể trên, kinh tế vĩ mô năm 2025 vẫn đối mặt với nhiều bất ổn và rủi ro đến từ:

1. Việc Mỹ có thể áp thuế cao đối với hàng hóa Việt Nam có thể gây ra những tác động tiêu cực đến hoạt động xuất khẩu, sản xuất và thu hút vốn FDI của Việt Nam.
2. Lạm phát ở Mỹ có thể quay trở lại do chính sách áp thuế cao đối với hàng hóa nhập khẩu. Dẫn tới việc FED không mạnh tay cắt giảm lãi suất như kỳ vọng. Điều này sẽ tiếp tục gây áp lực tỷ giá khiến Ngân hàng Nhà nước khó tiếp tục duy trì chính sách tiền tệ mở rộng.
3. Tăng trưởng kinh tế toàn cầu phục hồi chậm hơn dự kiến, đặc biệt là nếu kinh tế Trung Quốc giảm tốc mạnh hơn dự kiến, điều này có thể ảnh hưởng đến xuất khẩu, sản xuất và du lịch của Việt Nam.
4. Những bất ổn địa chính trị trên thế giới, bao gồm: (1) xung đột Nga - Ukraine và (2) xung đột Israel - Hamas, cũng có thể tác động đến kinh tế Việt Nam.

THỊ TRƯỜNG CỔ PHIẾU

Triển vọng thị trường cổ phiếu năm 2025 được hỗ trợ bởi các yếu tố: (1) Các công ty niêm yết duy trì tăng trưởng lợi nhuận tốt, dự báo ở mức 17,0%; (2) Định giá thị trường đang ở mức khá hấp dẫn với P/E của VN-Index đang giao dịch với mức chiết khấu 8,2% so với mức trung bình 5 năm trong khi kỳ vọng tăng trưởng EPS sẽ cải thiện vào năm 2025. Hệ số P/B cũng ở mức hấp dẫn với P/B hiện tại là 1,7 lần (chiết khấu 17,6% so với mức trung bình 5 năm) và (3) Khả năng nâng hạng thị trường của Việt Nam lên thị trường mới nổi bởi FTSE vào cuối năm 2025.

Tuy nhiên, thị trường chứng khoán Việt Nam vẫn sẽ đối mặt với nhiều bất ổn trong năm 2025 đến từ các yếu tố vĩ mô như kể trên. Trong kịch bản xấu nhất, Ngân hàng Nhà nước có thể cần phải bảo vệ tiền đồng bằng cách tiếp tục bán dự trữ ngoại hối hoặc tăng lãi suất. Điều này sẽ gây áp lực lên định giá thị trường. Ngoài ra, việc đồng USD mạnh lên và VND yếu đi sẽ tiếp tục làm dòng tiền ngoại dịch chuyển ra khỏi thị trường chứng khoán trong nước. Có thể nói, năm 2025 là một năm của cả thách thức và cơ hội cho thị trường. Việc lựa chọn doanh nghiệp tốt, có tiềm năng tăng trưởng lợi nhuận và vững vàng trước những bất lợi của kinh tế vĩ mô sẽ trở thành trọng tâm chính khi xây dựng danh mục đầu tư.

THỊ TRƯỜNG TRÁI PHIẾU

Trái phiếu Chính phủ

Tổng giá trị đấu thầu trái phiếu Chính phủ năm 2025 dự kiến là 500.000 tỷ đồng (tăng 25,0% so với tổng khối lượng phát hành năm 2024). Riêng quý 1 là 111.000 tỷ đồng và tháng 1 là 26.000 tỷ đồng. Những dự báo chính của các Công ty chứng khoán về thị trường trái phiếu Chính phủ năm 2025 như sau:

1. Kỳ hạn trái phiếu: với mặt bằng lợi suất phát hành vẫn ở mức thấp, kỳ hạn bình quân của trái phiếu dự báo sẽ vẫn duy trì ở mức hiện tại quanh 10 năm do nhu cầu của nhà đầu tư vẫn ưu tiên vào những kỳ hạn ngắn hơn nhằm giảm thiểu rủi ro thị trường. Các kỳ hạn phát hành chủ yếu vẫn là 2 kỳ hạn 10 năm và 15 năm.
2. Thanh khoản thị trường trái phiếu: thanh khoản thị trường sẽ được tiếp tục cải thiện so với năm 2024, có thể ở mức 6.000 – 10.000 tỷ đồng/phiên. Tỷ trọng giao dịch sẽ duy trì tập trung ở các kỳ hạn dài, từ 10 năm trở lên.
3. Lợi suất trái phiếu: Dự kiến lợi suất trái phiếu nhìn chung vẫn sẽ tăng nhưng biến động sẽ không quá lớn dựa trên các yếu tố: (1) Áp lực phát hành của Kho bạc Nhà nước khi kế hoạch phát hành và giải ngân năm tới đều tăng mạnh, do đó lợi suất phát hành dự kiến sẽ được nâng lên kéo theo việc tăng cả lợi suất thứ cấp; (2) Dư địa cho việc nới lỏng chính sách tiền tệ trong nước đang bị thu hẹp dần dưới thách thức từ tỷ giá, biến động kinh tế toàn cầu và khả năng tỷ lệ nợ xấu gia tăng trong năm tới; (3) Lượng trái phiếu đáo hạn trong năm tới giảm mạnh và (4) Nhu cầu đầu tư trái phiếu Chính phủ để đảm bảo duy trì tỷ lệ an toàn tài chính trong bối cảnh quy mô tài sản gia tăng của khối các ngân hàng thương mại, nhu cầu gia tăng đầu tư của khối bảo hiểm nhân thọ.

Trái phiếu doanh nghiệp

Theo báo cáo của FiinRatings, trong năm 2025, ước tính sẽ có khoảng 216.670 tỷ đồng trái phiếu đáo hạn, trong đó phần lớn là trái phiếu bất động sản với 120.640 tỷ đồng, tương đương 55,6%. Số các công ty công bố chậm trả gốc, lãi lần đầu tiên trong năm 2024 thấp hơn nhiều so với năm 2023, chỉ bằng khoảng 20,0%. Điều này cho thấy niềm tin của nhà đầu tư đang dần được cải thiện, thị trường trái phiếu doanh nghiệp dường như đang từng bước vượt qua giai đoạn tồi tệ nhất của cuộc khủng hoảng năm 2022. Những tín hiệu hồi phục của kênh đầu tư này đã rõ nét hơn, một phần nhờ vào những sửa đổi kịp thời của cơ quan Nhà nước trong việc hoàn thiện khung pháp lý với những yêu cầu chặt chẽ hơn cho cả nhà phát hành lẫn nhà đầu tư trái phiếu doanh nghiệp. Thị trường đã qua đáy và hồi phục trở lại. Với triển vọng môi trường tín nhiệm của Việt Nam tiếp tục cải thiện trong 2025, kỳ vọng số lượng sự kiện chậm trả phát sinh mới sẽ tiếp tục giảm. Bước sang năm 2025, hoạt động phát hành trên thị trường trái phiếu doanh nghiệp được kỳ vọng sẽ có chuyển biến tích cực, do được hỗ trợ bởi các nguyên nhân sau:

1. Ngoài các tổ chức tín dụng là nhóm ngành phát hành dẫn dắt thị trường, năm 2025 nhiều khả năng sẽ ghi nhận hoạt động phát hành sôi động hơn ở nhóm ngành phi tài chính bao gồm bất động sản, hạ tầng cơ bản như năng lượng tái tạo và nước sạch.... Các ngân hàng thương mại sẽ tiếp tục phát hành lượng lớn trái phiếu để củng cố nguồn vốn trung và dài hạn nhằm đáp ứng nhu cầu tăng trưởng tín dụng cao trong năm 2025 dự kiến ở mức 16,0%, đồng thời tuân thủ các tỷ lệ an toàn của Ngân hàng Nhà nước.
2. Ngành bất động sản kỳ vọng sự phục hồi sẽ diễn ra mạnh hơn vào nửa đầu 2025 khi được tháo gỡ pháp lý trên diện rộng hơn trong việc triển khai các dự án mới, nhờ đó nhu cầu vốn cũng sẽ gia tăng trong thời gian tới.
3. Với ngành năng lượng tái tạo, việc Chính phủ đang đẩy mạnh các chính sách triển khai Quy hoạch điện 8 nhằm giải quyết vấn đề rủi ro thiếu điện từ năm 2026 sẽ giúp nhiều dự án được triển khai theo cơ chế mới và từ đó nhu cầu vốn dài hạn qua kênh trái phiếu doanh nghiệp có thể sẽ sôi động trở lại.

GENERALI

GENERALI BẢO HIỂM NHÂN THỌ

1831 THÀNH LẬP

GENERALI TOÀN CẦU

863 TỶ EURO
TỔNG TÀI SẢN QUẢN LÝ (2024)

95,2 TỶ EURO
DOANH THU PHÍ BẢO HIỂM GỘP (2024)

71 TRIỆU
KHÁCH HÀNG

87 NGHÌN
NHÂN VIÊN

TOP(*) **100** CÔNG TY BỀN VỮNG NHẤT THẾ GIỚI

TOP(**) **500** CÔNG TY LỚN NHẤT THẾ GIỚI

(*) Tạp chí Corporate Knights (2020)

(**) Bảng xếp hạng Global 500 (2021)

GENERALI VIỆT NAM

ĐƠN GIẢN, HIỆU QUẢ
LẤY KHÁCH HÀNG LÀM TRỌNG TÂM

GIẢI THƯỞNG RỒNG VÀNG (2017-2024)

TOP 10 DOANH NGHIỆP BẢO HIỂM NHÂN THỌ UY TÍN (2024)(1)

TOP 100 NƠI LÀM VIỆC TỐT NHẤT VIỆT NAM (2021-2024)(2)

TOP 10 SẢN PHẨM TIN DÙNG VIỆT NAM 2024 NHÓM NGÀNH NGÂN HÀNG – BẢO HIỂM – CHỨNG KHOÁN(3)

(1) Theo Bảng xếp hạng của Vietnam Report

(2) Theo khảo sát của Anphabe

(3) Do Tạp chí Kinh tế Việt Nam trao tặng

CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM NHÂN THỌ GENERALI VIỆT NAM

1900 969675 | www.generali.vn | info@generali-life.com.vn

TRỤ SỞ CHÍNH

GENERALI PLAZA HỒ CHÍ MINH
43-45 Tú Xương, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

CHI NHÁNH & VĂN PHÒNG KINH DOANH

HÀ NỘI
Tòa nhà Pacific Place, số 83B Lý Thường Kiệt, Phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội

ĐÀ NẴNG
386 Hoàng Diệu, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng

CẦN THƠ
Tầng Trệt, số 42 - 48 Phạm Ngọc Thạch, Phường Cái Khế, Quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ

Công ty TNHH bảo hiểm nhân thọ Generali Việt Nam được Bộ Tài chính cấp Giấy phép thành lập và hoạt động số 61 GP/KDBH ngày 20/04/2011. Mã số thuế: 0310879824